TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2020
" *V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh
2. Bà Cao Thị Hồng Châu

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên

Trong các ngày 08, 16 tháng 7 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2020/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2020 về "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 01//2020/QĐST – HNGĐ ngày 08/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T , sinh năm 1999 - *Có mặt*

Trú tại: 411 Hùng Vương, tổ dân phố 8, thị trấn Quảng Phú, huyện CưMgar, tỉnh ĐăkLăk

Người đại diện theo ủy quyền cho chị T : Anh Phạm Hoài Q, sinh năm: 1983 – Có mặt

Trú tại: 79 Ama Jhao, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắklăk

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1992 – *vắng mặt*

Trú tại: Thôn 1, xã EaKpam, huyện CưMgar, tỉnh ĐăkLăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống từ ngày 05 tháng 3 năm 2019 sau thời giam tìm hiểu được khoảng một tháng, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống được một thời gian khi

chị T về nhà sinh con tháng 7/2019 thì vợ chồng không chung sống với nhau nữa cho đến này. Nay chị T yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ giữa chị T và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh H 01 con chung là Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019. Nguyện vọng của chị T xin được nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung anh H đồng ý với lời khai của chị Bùi Thị T .

Về mâu thuẫn gia đình anh H nhận thấy giữa anh và chị T không hợp tính nết, bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm không còn nên đề nghị tuyên bố không công nhận anh H và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh H xác nhận cháu Bùi Minh T1 là con chung của anh và chị Bùi Thị T, do không đăng ký kết hôn nên khai sinh của cháu T1 không có tên cha là anh H. Anh H có nguyện vọng giao cả cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng 500.000đ/tháng nuôi cháu Bùi Minh T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đề nghị Tòa án công nhận cháu T1 là con đẻ của anh H.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Bùi Thị T .

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận thỏa thuận giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H: giao cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3/2019, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hơn nữa anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Vì vậy chị Bùi Thị T đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019, hiện cháu đang chung sống với chị T. Trong quá trình hòa giải chị T và anh H đã thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Do chị T và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên trong giấy khai sinh của cháu T1 không thể hiện họ tên của cha. Anh H và chị T thống nhất thỏa thuận chị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cải chính hộ tịch cho cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019, anh Nguyễn Văn H sinh ngày 09/11/1992 là cha của cháu T1 theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình hòa giải chị T và anh H đã thỏa thuận được anh H cấp dưỡng 500.000đ/tháng (6.000.000đồng/năm) để nuôi cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và chị T đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng, yêu cầu anh H cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng thì chị T mới đảm bảo được việc nuôi con nên Hội đồng xét xử đã tiến hành tạm ngưng phiên tòa xác minh thu thập chứng cứ về việc làm và thu nhập của anh H. Tuy nhiên, chị T không cung cấp được thông tin hiện nay anh H đang làm gì, tại đâu, thu nhập hàng tháng là bao nhiêu. Qua làm việc với mẹ ruột của của H là bà Nguyễn Thị Danh thì được biết anh H từ tháng 1/2020 đến tháng 5/2020 do dịch cúm vi rút SARS – CoV-2 nên thất nghiệp ở nhà, hiện nay đang ở Bình Dương ai gọi gì làm đấy, không có công việc và thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng của T và đại diện theo ủy quyền cho chị T. Tuy nhiên, theo tinh thần của Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 *"Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thoả thuận. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì tuỳ vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý"*. Hiện tại chị T đang nuôi con nhỏ, mọi chi phí chăm con phụ thuộc vào bố mẹ ruột. Do anh H là người không có thu nhập ổn định nên

Hội đồng xét xử căn cứ mức lương cơ sở hiện hành 1.490.000 đồng buộc anh H cấp dưỡng không dưới ½ mức lương sơ sở tương ứng 750.000 đồng/tháng cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 91, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn H về con chung như sau:

Giao cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cải chính hộ tịch cho cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019, anh Nguyễn Văn H sinh ngày 09/11/1992 là cha của cháu T1 theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng 750.000đ/tháng để nuôi cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 28/8/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004480 ngày 16/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã thị trấn Quảng Phú xã EaKpam;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu